

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ XUẤT NHẬP KHẨU GPL**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ XUẤT NHẬP KHẨU GPL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GPL INVESTMENT CONSTRUCTION AND IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GPL INVESTMENT CONSTRUCTION AND IMPORT EXPORT.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110082100

**3. Ngày thành lập:** 03/08/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 3 Ngõ 32, Phố Tây Trà, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0981871089

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>(trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                         | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4390     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự. Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm).                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4649     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) ,Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; - Bán buôn các loại máy công cụ; - Bán buôn công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. - Bán buôn - xuất nhập khẩu vật tư, máy thiết bị, phụ tùng trong lĩnh vực ngành in và bao bì (các máy chế bản, in và gia công sau in). | 4659     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết : Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến ,Bán buôn xi măng ,Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi ,Bán buôn kính xây dựng , Bán buôn sơn, véc ni . Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh. Bán buôn vật liệu xây dựng                                         | 4663        |
| 8.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn vật liệu trang trí nội, ngoại thất; Bán buôn thiết bị điện nước                                                                                                                                                                                               | 4669        |
| 9.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết : Tư vấn về bất động sản;Định giá bất động sản;Môi giới bất động sản;Quản lý bất động sản                                                                                                                                                               | 6820        |
| 10. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế kỹ thuật công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; Hoạt động đo đạc bản đồ, tư vấn xây dựng | 7110        |
| 11. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: hoạt động trang trí nội, ngoại thất                                                                                                                                                                                                                                                       | 7410        |
| 12. | In ấn<br>(không in tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1811        |
| 13. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1812        |
| 14. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2592        |
| 15. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>(trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4933        |
| 16. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4101(Chính) |
| 17. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4102        |
| 18. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4211        |
| 19. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4212        |
| 20. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4229        |
| 21. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4299        |
| 22. | Phá dỡ<br>(trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4311        |
| 23. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4312        |
| 24. | Lắp đặt hệ thống điện<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).                                                                                                                                                                                                                                              | 4321        |
| 25. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                | 4752        |
| 26. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng trang trí nội, ngoại thất                                                                                                                                                                                                                           | 4773        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                              |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 27. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN THỊ THU TRANG | Nam Dư Hạ Tổ 6, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 50.000     | 500.000.000           | 16,667    | 001187011213                                                                                |         |
|     |                    |                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                             | Tổng số                   | 50.000     | 500.000.000           | 16,667    |                                                                                             |         |

|   |                     |                                                                                                      |                                    |         |               |        |                  |  |
|---|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|--|
| 2 | PHẠM CHIẾN<br>THĂNG | Thôn Vũ Công,<br>Xã Hòa An,<br>Huyện Thái Thụy,<br>Tỉnh Thái Bình,<br>Việt Nam                       | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 50.000  | 500.000.000   | 16,667 | 0340890097<br>88 |  |
|   |                     |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                     |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                     |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                     |                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                     |                                                                                                      | Tổng số                            | 50.000  | 500.000.000   | 16,667 |                  |  |
|   |                     |                                                                                                      |                                    |         |               |        |                  |  |
| 3 | GIANG VĂN<br>GIÁP   | Số 3 Ngõ 32, Phố<br>Tây Trà, Phường<br>Trần Phú, Quận<br>Hoàng Mai,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 200.000 | 2.000.000.000 | 66,666 | 0340890047<br>35 |  |
|   |                     |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                     |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                     |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                     |                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                     |                                                                                                      | Tổng số                            | 200.000 | 2.000.000.000 | 66,666 |                  |  |
|   |                     |                                                                                                      |                                    |         |               |        |                  |  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **GIANG VĂN GIÁP** Giới tính: *Nam*  
Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc*  
Sinh ngày: *07/10/1989* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *034089004735*  
Ngày cấp: *13/02/2020* Nơi cấp: *Cục Trưởng Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành  
Chính về Trật Tự Xã Hội*  
Địa chỉ thường trú: *Thôn Đông Hải, Xã Thái Đô, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình,  
Việt Nam*  
Địa chỉ liên lạc: *Số 3 Ngõ 32, Phố Tây Trà, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam*  
**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*